

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH TÂY NINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Số: ~~1857~~ /QĐ-UBND

Tây Ninh, ngày 24 tháng 8 năm 2020

QUYẾT ĐỊNH

**Về việc phê duyệt danh sách và kinh phí hỗ trợ
người lao động không có giao kết hợp đồng lao động bị mất việc làm
do đại dịch COVID-19 thuộc huyện Tân Châu**

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết số 42/NQ-CP ngày 09 tháng 4 năm 2020 của Chính phủ về các biện pháp hỗ trợ người dân gặp khó khăn do đại dịch COVID-19;

Căn cứ Quyết định số 15/2020/QĐ-TTg ngày 24 tháng 4 năm 2020 của Thủ tướng Chính phủ quy định về việc thực hiện các chính sách hỗ trợ người dân gặp khó khăn do đại dịch COVID-19;

Theo đề nghị của Ủy ban nhân dân huyện Tân Châu tại Tờ trình số 195/TTr-UBND ngày 18/8/2020 về việc phê duyệt kinh phí hỗ trợ đối tượng bị ảnh hưởng bởi đại dịch COVID-19 trên địa bàn huyện Tân Châu và đề nghị của Tổ Thẩm định tại Tờ trình số 2468/TTr-TTĐ ngày 21 tháng 8 năm 2020.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt danh sách và kinh phí hỗ trợ người lao động không có giao kết hợp đồng lao động bị mất việc làm do đại dịch COVID-19 thuộc huyện Tân Châu cho 15 người, với mức hỗ trợ 1.000.000 đồng/người/tháng, thời gian hỗ trợ là 01 tháng (tháng 4/2020), từ nguồn ngân sách nhà nước theo quy định. Trong đó, có 02 người đã nhận 900.000 đồng/người/tháng từ nguồn xổ số kiến thiết thì chỉ được cấp 100.000 đồng/người/tháng, từ nguồn ngân sách nhà nước theo quy định.

(danh sách kèm theo)

Điều 2. Giao Ủy ban nhân dân huyện Tân Châu thực hiện việc chi trả hỗ trợ trong 03 ngày làm việc.

Điều 3. Chánh Văn phòng Đoàn ĐBQH, HĐND và UBND tỉnh, Giám đốc các Sở, ngành: Lao động – Thương binh và Xã hội, Tài chính, Kho bạc Nhà nước; Tổ Thẩm định; Chủ tịch UBND huyện Tân Châu và các ông (bà) có tên trong danh sách tại Điều 1 chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này kể từ ngày ký./.

Nơi nhận: *tr*

- Như Điều 3;
- CT, các PCT UBND tỉnh;
- CVP, PCVP Long, Nhung;
- PVHXXH;
- Lưu: VT, VP.Đoàn ĐBQH, HĐND và UBND tỉnh. *Tuấn 4*



Nguyễn Mạnh Hùng



DANH SÁCH
HỌ TÊN NGƯỜI LAO ĐỘNG KHÔNG CÓ GIAO KẾT HỢP ĐỒNG LAO ĐỘNG BỊ MẤT VIỆC LÀM HUYỆN TÂN CHÂU

(Kèm theo Quyết định số 857/QĐ-UBND ngày 24/8/2020 của Chủ tịch UBND tỉnh)

STT	Họ và tên	Năm sinh		Địa chỉ thường trú	Địa chỉ tạm trú (nếu có)	Công việc chính (theo ngành nghề tại điểm c khoản 1 Điều 7 Quyết định số 15/2020/QĐ-TTg)	Số tiền hỗ trợ (đồng)	Số tiền đã hỗ trợ từ nguồn xổ số kiến thiết (đồng)	Số tiền hỗ trợ còn lại từ NSNN (đồng)
		Nam	Nữ						
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10=8-9
I Thị trấn Tân Châu									
1	Lê Thành Nghĩa	1962		Khu phố 1, thị trấn Tân Châu, huyện Tân Châu		Phụ quán ăn	1.000.000		1.000.000
2	Lê Thị Hoài Thương		2003	Khu phố 1, thị trấn Tân Châu, huyện Tân Châu		Phụ quán ăn	1.000.000		1.000.000
3	Lê Tuấn Anh	1991		Khu phố 1, thị trấn Tân Châu, huyện Tân Châu		Phụ quán ăn	1.000.000		1.000.000
4	Nguyễn Thanh Tuấn	1978		Khu phố 1, thị trấn Tân Châu, huyện Tân Châu (tạm trú Tân Phú, Tân Châu)		Bán cà phê	1.000.000		1.000.000
5	Nguyễn Thị Thúy Trang		1992	Khu phố 4, thị trấn Tân Châu, huyện Tân Châu (tạm trú Tân Phú, Tân Châu)		Bán quán nước	1.000.000		1.000.000
6	Nguyễn Từ Sáu	1961		Khu phố 3, thị trấn Tân Châu, huyện Tân Châu		Bán đồ ăn	1.000.000		1.000.000
7	Trần Thanh Hào	1998		Khu phố 4, thị trấn Tân Châu, huyện Tân Châu		Phụ vụ quán ăn Ốc Đầm	1.000.000		1.000.000
8	Phạm Thị Bảy		1963	Khu phố 3, thị trấn Tân Châu, huyện Tân Châu		Bán đồ ăn	1.000.000		1.000.000
9	Trần Thị Lành		1955	Khu phố 3, thị trấn Tân Châu, huyện Tân Châu (tạm trú Trĩ Bình, Châu Thành)		Bán đồ ăn	1.000.000		1.000.000
10	Trần Thị Mỹ Tiên		1972	Khu phố 1, thị trấn Tân Châu, huyện Tân Châu		Bán quán ăn	1.000.000		1.000.000
11	Trần Thị Tới		1969	Khu phố 1, thị trấn Tân Châu, huyện Tân Châu		Phụ quán ăn	1.000.000		1.000.000
12	Võ Thị Thanh Tuyền		1995	Khu phố 1, thị trấn Tân Châu, huyện Tân Châu		Phụ quán ăn	1.000.000		1.000.000

STT	Họ và tên	Năm sinh		Địa chỉ thường trú	Địa chỉ tạm trú (nếu có)	Công việc chính (theo ngành nghề tại điểm c khoản 1 Điều 7 Quyết định số 15/2020/QĐ-TTg)	Số tiền hỗ trợ (đồng)	Số tiền đã hỗ trợ từ nguồn xổ số kiến thiết (đồng)	Số tiền hỗ trợ còn lại từ NSNN (đồng)
		Nam	Nữ						
13	Vũ Thị Danh		2003	Khu phố 4, thị trấn Tân Châu, huyện Tân Châu		Phụ quán ăn	1.000.000		1.000.000
14	Bùi Thị Vui		1962	Khu phố 1, thị trấn Tân Châu, huyện Tân Châu		Bán lẻ vé số lưu động	1.000.000	900.000	100.000
15	Tạ Sanh		1950	Khu phố 3, thị trấn Tân Châu, huyện Tân Châu		Bán lẻ vé số lưu động	1.000.000	900.000	100.000
Cộng									
								13.200.000	
Tổng cộng								13.200.000	